

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 19/202022/DS-ST

Ngày: 27/5/2022

V/v tranh chấp chia di sản thừa kế

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự Soái.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Kim Phụng và ông Nguyễn Đình Bân.

- Thư ký Tòa án: Ông Mạc Văn Hình- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Thu- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 67/2021/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2021 về “*Tranh chấp chia di sản thừa kế*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Đoàn Văn M**, sinh năm 1969

Địa chỉ: thôn H, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; có mặt tại phiên tòa.

- Đồng bị đơn:

+ Ông **Đoàn Ngọc H**, sinh năm 1984

Địa chỉ: Tổ 7, thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam (ông H ủy quyền cho ông Đoàn Ngọc T tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền lập ngày 16/11/2021).

+ Bà **Đoàn Thị Thanh T**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Tổ 10, thôn G, xã M, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

+ Ông **Đoàn Ngọc T**, sinh năm 1987

Hộ khẩu thường trú: thôn H, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; chỗ ở hiện nay: thôn K, xã C, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

(*Tất cả đồng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa*).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà **Đoàn Thị Thanh X**, sinh năm 1961

Địa chỉ: Tổ 9, thôn T, thị trấn M, huyện N, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/7/2021 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Đ, ông Đoàn Văn M (nguyên đơn) trình bày:

Cha ông Đoàn Văn M là Đoàn Văn K (Đoàn K), sinh năm 1915 và mẹ Nguyễn Thị K, sinh năm 1921; địa chỉ cuối cùng trước khi chết thôn H, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Cha mẹ ông M có 06 người con chung gồm: Đoàn Văn B (chết năm 1971, khi chết không có vợ con); Đoàn Thị B (chết năm 2019, khi chết không có chồng con); Đoàn Văn N (chết năm 1969, khi chết không có vợ con); Đoàn Văn T (sinh năm 1957, chết năm

2006, khi chết có 03 người con là Đoàn Ngọc H, Đoàn Thị Thanh T và Đoàn Ngọc T); Đoàn Thị Thanh X (sinh năm 1961) và Đoàn Văn M (sinh năm 1969). Cha mẹ ông M cũng không có con riêng và con nuôi.

Năm 2012, ông Đoàn Văn K (Đoàn K) và bà Nguyễn Thị K chết không để lại di chúc. Năm 2019 bà Đoàn Thị B chết (bà B chết không có chồng con) cũng không để di chúc.

Tài sản của cha mẹ ông Đoàn Văn M khi chết để lại là 01 ngôi nhà cấp 4 gắn liền với diện tích đất 152m² thuộc thửa đất số 173, tờ bản đồ số 09, loại đất ở ; địa chỉ thửa đất tại thôn H, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam (chưa được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Nay ông Đoàn Văn M yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế di sản của cha mẹ là ông bà K chết để lại theo quy định của pháp luật.

Ông M yêu cầu Tòa án chia tài sản của cha mẹ ông để lại chia ra làm 04 phần bằng nhau, trong đó: Ông M một phần; đồng bị đơn là ông Đoàn Ngọc H, bà Đoàn Thị Thanh T và ông Đoàn Ngọc T là những người thừa kế thế vị ông Đoàn Văn T một phần; bà Đoàn Thị Thanh X một phần và bà Đoàn Thị B một phần. Riêng đối với phần tài sản bà Đoàn Thị Thanh X và bà Đoàn Thị B nhận được thì ông M được nhận. Ông M cho rằng bà X đã tự nguyện tặng cho ông phần tài sản thừa kế của bà. Còn bà B khi còn sống cũng đã thống nhất cho ông phần tài sản thừa kế của bà B. Cụ thể được thể hiện tại biên bản họp gia đình vào lúc 20 giờ 00 phút, ngày 15/11/2013 gồm có các ông bà Đoàn Thị B, Đoàn Thị Thanh X và Đoàn Văn M cùng tham gia. Nguyên vọng của ông M là được nhận toàn bộ hiện vật là đất và nhà, ông sẽ thôi lại bằng tiền mặt phần giá trị tài sản mà ông H, bà T và ông T được nhận.

Theo các văn bản trình bày có trong hồ sơ vụ án đồng bị đơn ông Đoàn Ngọc H, bà Đoàn Thị Thanh T và ông Đoàn Ngọc T thống nhất trình bày:

Ông Đoàn Ngọc H, bà Đoàn Thị Thanh T và ông Đoàn Ngọc T đồng ý với trình bày của ông Đoàn Văn M về quan hệ huyết thống, hàng thừa kế, thời điểm ông bà nội là Đoàn Văn K (Đoàn K), Nguyễn Thị K chết và cha ruột là Đoàn Văn T chết cũng như di sản ông bà nội để lại như ông Đoàn Văn M trình bày là đúng. Trong quá trình giải quyết vụ án ông H, bà T và ông T cho rằng việc ông M yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản thừa kế của ông bà nội chết để lại là 01 ngôi nhà cấp 4 gắn liền với diện tích đất 152m² thuộc thửa đất số 173, tờ bản đồ số 09, loại đất ở; địa chỉ thửa đất tại thôn H, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam (chưa được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) thì ông H, bà T và ông T là người thừa kế thế vị của ông Đoàn Văn T đã chết, ông bà đề nghị Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật.

Tuy nhiên trong tự trình bày ghi ý kiến ngày 29/4/2022 cũng như trong đơn xin xét xử vắng mặt ngày 24/5/2022, các ông bà Đoàn Ngọc H, Đoàn Thị Thanh T và Đoàn Ngọc T đều tự nguyện cho toàn bộ kỹ phần di sản thừa kế mà ông H, bà T và ông T được hưởng cho ông Đoàn Văn M và ông M được toàn quyền định đoạt đối với tài sản đó.

Theo các văn bản trình bày có trong hồ sơ vụ án người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị Thanh X trình bày:

Bà Đoàn Thị Thanh X đồng ý với trình bày của ông Đoàn Văn M về quan hệ huyết thống, hàng thừa kế, thời điểm cha mẹ bà là Đoàn Văn K (Đoàn K), Nguyễn Thị K chết và di sản cha mẹ bà để lại như trên là đúng. Nay ông Đoàn Văn M yêu cầu chia di sản cha mẹ chết để lại, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Phần di sản thừa kế mà bà X được nhận, bà tự nguyện tặng cho toàn bộ kỹ phần thừa kế được hưởng cho ông Đoàn Văn M toàn quyền định đoạt và bà không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện theo quy định pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ: Trên cơ sở tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 173, tờ bản đồ số 09 có diện tích 152m² tại thôn H, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam và tài sản gắn liền với thửa đất là 01 ngôi nhà có diện tích 78,88m².

- Công nhận sự tự nguyện tặng cho kỷ phần thừa kế tài sản của bà Đoàn Thị Thanh X, ông Đoàn Ngọc H, bà Đoàn Thị Thanh T và ông Đoàn Ngọc T cho ông Đoàn Văn M.

- Giao quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 173, tờ bản đồ số 09 có diện tích 152m² tại thôn H, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam và tài sản gắn liền với thửa đất là 01 ngôi nhà cấp 4 có diện tích 78,88m² cho ông Đoàn Văn M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn ông Đoàn Văn M nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế, tài sản tranh chấp và các đương sự trong vụ án có nơi cư trú trên địa bàn huyện Đ. Căn cứ khoản 5, khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp chia di sản thừa kế*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc đã tổng đạt các văn bản tố tụng gồm: Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập phiên tòa theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa đồng bị đơn ông Đoàn Ngọc H, bà Đoàn Thị Thanh T, ông Đoàn Ngọc T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị Thanh X vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt và có bản trình bày rõ ràng các nội dung yêu cầu Tòa án giải quyết. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đồng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định pháp luật.

[2] *Về nội dung tranh chấp*:

{2.1} *Thời điểm mở thừa kế, hàng thừa kế*: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự đều thừa nhận ông Đoàn Văn K (Đoàn K) và bà Nguyễn Thị K cùng chết năm 2012. Ông bà có 06 người con chung gồm: Đoàn Văn B; Đoàn Thị B; Đoàn Văn N; Đoàn Văn T; Đoàn Thị Thanh X và Đoàn Văn M. Ông Đoàn Văn K (Đoàn K) và bà Nguyễn Thị K không có con riêng và không có con nuôi, chết không để lại di chúc. Tính đến thời điểm ông Đoàn Văn M nộp đơn khởi kiện ngày 21/9/2021 thì vẫn còn thời hiệu khởi kiện để chia di sản thừa kế theo pháp luật quy định tại Điều 623 của Bộ luật Dân sự. Hàng thừa kế thứ nhất của ông Đoàn Văn K (Đoàn K) và bà Nguyễn Thị K còn sống tính đến thời điểm mở thừa kế theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự gồm: Đoàn Thị B, Đoàn Thị Thanh X và Đoàn Văn M. Hàng thừa kế

thứ nhất đã chết gồm: Đoàn Văn B (khi chết không có vợ con), Đoàn Văn N (khi chết không có vợ con) và Đoàn Văn T. Khi chết, ông T có ba người con gồm: Đoàn Ngọc H, Đoàn Thị Thanh T và Đoàn Ngọc T. Vì vậy ông H, bà T và ông T là những người thừa kế thế vị cho ông T để nhận phần di sản mà lẽ ra ông T được nhận theo quy định tại Điều 652 của Bộ luật Dân sự.

{2.2} *Về nguồn gốc di sản thừa kế:* Theo các tài liệu, chứng cứ thì di sản thừa kế là quyền sử dụng đối với thửa đất số 173, tờ bản đồ số 09 có diện tích 152m² tại thôn H, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam và tài sản gắn liền với thửa đất là 01 ngôi nhà cấp 4 có diện tích 78,88m² do vợ chồng ông Đoàn Văn K (Đoàn K) và bà Nguyễn Thị K cùng tạo lập năm 2000 đến năm 2003. Xét thấy diện tích 152m² đất gắn liền với ngôi nhà cấp 4 là tài sản chung của vợ chồng ông bà K. Việc ông bà K chết không để lại di chúc nên căn cứ Điều 650 của Bộ luật Dân sự quyền sử dụng diện tích 152m² đất gắn liền với ngôi nhà cấp 4 là di sản thừa kế được chia theo quy định pháp luật.

Theo biên bản định giá tài sản ngày 16/3/2022 của Hội đồng định giá kết luận tài sản thừa kế của vợ chồng ông Đoàn Văn K (Đoàn K) và bà Nguyễn Thị K là thửa đất số 173, tờ bản đồ số 08 và tài sản gắn liền với đất là 01 ngôi nhà cấp 4 tại thôn H, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam có giá trị là 260.421.000 đồng.

{2.3}. *Phân chia di sản thừa kế:* Di sản vợ chồng ông bà K chết để lại diện tích 152m² đất gắn liền với ngôi nhà cấp 4 được chia đều cho 04 kỷ phần gồm: Bà Đoàn Thị B, bà Đoàn Thị Thanh X, Đoàn Văn M và ông Đoàn Văn T (do các ông bà Đoàn Ngọc H, Đoàn Thị Thanh T và Đoàn Ngọc T thế vị kỷ phần ông T). Mỗi kỷ phần sẽ có giá trị là 65.105.250 đồng

Xét thấy, diện 152m² đất chia bằng hiện vật cho 04 phần thì mỗi phần chỉ được 38,3m² đất, diện tích đất này không đủ diện tích được tách thửa ở địa phương. Ông Đoàn Văn M có nguyện vọng nhận toàn bộ hiện vật. Ngoài ra, tại các văn bản tự trình bày ý kiến ngày 22/11/2021 bà Đoàn Thị Thanh X đồng ý tặng cho toàn bộ kỷ phần thừa kế được hưởng cho ông Đoàn Văn M và ông M đồng ý nhận. Mặt khác tại các văn bản tự trình bày ý kiến ngày 29/4/2022 và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 24/5/2022 những người thừa kế thế vị của ông Đoàn Ngọc T là ông Đoàn Ngọc H, bà Đoàn Thị Thanh T và ông Đoàn Ngọc T đều tự nguyện cho kỷ phần di sản thừa kế mà họ được hưởng cho ông Đoàn Văn M và tại phiên tòa ông M đồng ý nhận. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện tặng cho tài sản và không trái quy định của pháp luật nên công nhận.

Đối với kỷ phần thừa kế mà bà Đoàn Thị B nhận được (bà B chết năm 2019, khi chết không có chồng con), tại biên bản họp gia đình ngày 15/11/2013 có nội dung bà Đoàn Thị B, bà Đoàn Thị Thanh X các thành thống nhất giao lại nhà đất mà cha mẹ để cho ông Đoàn Văn M toàn quyền sử dụng. Xét thấy, biên bản họp gia đình này không có mặt ông Đoàn Ngọc H, Đoàn Thị Thanh T, Đoàn Ngọc T (những người thừa kế thế vị ông Đoàn Văn T) và những người này không biết và không có một sự thừa nhận nào về buổi họp gia đình đó. Hơn nữa, biên bản họp gia đình chưa được công chứng, chứng thực theo quy định pháp luật, việc UBND thị trấn T xác nhận vào biên bản chỉ là nơi cư trú của bà Đoàn Thị Thanh X chứ không phải xác nhận thời gian, địa điểm, năng lực chủ thể và chữ ký của những người tham gia. Căn cứ quy định tại Điều 117 và Điều 122 của Bộ luật Dân sự nên biên bản lập ngày 15/11/2013 là vô hiệu. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở để xem xét.

Khi bà Đoàn Thị B chết không để lại di chúc nên phải chia theo pháp luật. Bà B không có hàng thừa kế thứ nhất, hàng thứ kế thứ hai của bà B có ông Đoàn Văn M và

bà Đoàn Thị Thanh X. Vì vậy, kỷ phần của bà B sẽ được chia hai phần bằng nhau cho ông M và bà X. Tại văn bản tự trình bày ý kiến ngày 22/11/2021 bà Đoàn Thị Thanh X đồng ý tặng cho toàn bộ kỷ phần thừa kế được hưởng cho ông Đoàn Văn M và ông M cũng đồng ý nhận.

Từ những phân tích trên, giao quyền sử dụng đối với thửa đất 173, tờ bản đồ 09 có diện tích 152m² tại thôn H, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam và tài sản gắn liền với thửa đất là 01 ngôi nhà có diện tích 78,88m² cho ông Đoàn Văn M có tổng giá trị 260.421.000 đồng.

{2.4} *Về chi phí thẩm định, định giá; đo vẽ sơ đồ thửa đất:* Ông Đoàn Văn M tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá, đo vẽ thửa đất là 4.353.234 đồng. Xét đây là sự tự nguyện của ông Mười nên HĐXX chấp nhận và ông M đã nộp đủ số tiền này.

{2.5} *Về án phí:* Ông Đoàn Văn M phải chịu trên giá trị tài sản được nhận là 260.421.000 đồng. Theo danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội từ trên 6.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng mức thu 5% giá trị tài sản có tranh chấp. Do đó, ông M phải chịu là 13.021.050 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 649, điểm a khoản 1 Điều 650, Điều 651, Điều 652, Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của ông Đoàn Văn M.

Tuyên xử:

- Công nhận sự tự nguyện tặng cho kỷ phần thừa kế tài sản của bà Đoàn Thị Thanh X, ông Đoàn Ngọc H, bà Đoàn Thị Thanh T và ông Đoàn Ngọc T cho ông Đoàn Văn M.

- Giao quyền sử dụng đối với thửa đất số 173, tờ bản đồ số 09 có diện tích 152m² tại thôn H, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam và tài sản gắn liền với thửa đất là 01 ngôi nhà cấp 4 có diện tích 78,88m² cho ông Đoàn Văn M trị giá là 260.421.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu bốn trăm hai mươi một ngàn đồng) có tứ cận:

+ Nam: Giáp đường bê tông nông thôn;

+ Bắc: Giáp nương nước;

+ Đông: Giáp nhà ông V;

+ Tây: Giáp nhà N.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đoàn Văn M phải chịu là 13.021.050 đồng (*Mười ba triệu không trăm hai mươi một ngàn không trăm năm mươi đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) ông M đã nộp theo biên lai thu số 0003551 ngày 01/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Ông M còn phải tiếp tục nộp 8.021.050 đồng (*Tám triệu không trăm hai mươi ngàn không trăm năm mươi đồng*).

- *Về quyền kháng cáo:* Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Tự Soái